

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+P10	7:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
2		BK10+BK4+BK8	7:25	16+5+0	0+0+0		9+4+6	0+0+0	
3		P11+PVD8	7:25	7+14	0+0		3+19	0+0	
4		TD3+PPD	7:25	19+3	0+0		11+11	0+0	
5		P9+TD1	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
6		CLO+P1	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
7		P2	9:25	22	0		22	0	
8		P9+PVD8	9:25	18+3	0+0		17+5	0+0	
9		CLO+P10	11:25	2+20	0+0+0		0+20	0+0+0	
10		TD1+BK3+BK10	11:25	15+2+0	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
11		RP3+P11	11:25	12+9	0+0		7+15	0+0	
12		TD2	12:10	19	0		19	0	
13		TD2	13:15	17	0		19	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK3-3ng, P11-1ng, BK10-9ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
B.CARD: XANH-1	TO: BK3 - P10	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2204	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ VĂN NAM	BK3	11-12	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐÌNH QUÊ	BK3	13	1	9	4	80	86	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN MẠNH	BK3						75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MẠNH TUÊ	BK3						69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	BK3				2	25	82	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CÔNG VINH	BK3	10	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHÙNG CÔNG DU	BK3	69	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH QUANG	P10	78	1	6			61	PSV	Vietnamese
9	I AKIMIDI R.N	P10	87	1	10			111	KH-THAC	Russian
10	TRẦN HỮU DUNG	P10	75	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THĂNG	P10	73	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG HIÊN	P10	72	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	79	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	74	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SỸ NGUYEN	P10	83	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH LIÊM	P10	76	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ THANH DANH	P10	84-85	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10						80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN BAO TOÀN	P10	77	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH HẢI	P10	86	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY HÀ	P10	80	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SỸ LONG	P10	81-82	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	7	521	5	34	6	105	7		
2	P10	15	1.150	16	115	0	0	15		
TOTAL		22	1.671	21	149	6	105	22		
WEIGHT KG			1.671		149		105			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P11 - PVD8	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2207	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUYNH CHANH PHAT	P11	50	1	4	3	44	63	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUANG HOAN	P11	20-21	2	12			97	YTE	Vietnamese
3	PHAM VAN HIEU	P11	54	1	5			61	DK9	Vietnamese
4	TUONG ANH CAC	P11	55	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	P11	22	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG LUAN	P11	53	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG BANG	P11	51-52	2	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH QUOC BAO	PVD8				4	60	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG HA	PVD8	24	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH DUY	PVD8	30	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD8	23	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG CONG THINH	PVD8	26	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THANH LONG	PVD8	25	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUY KHANH	PVD8	31	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH QUAN	PVD8	32-34	3	13			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	PVD8	21	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC VIET	PVD8	22	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BAC	PVD8	28	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG THAI SON	PVD8	29	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRONG HIEU	PVD8	27	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	7	505	9	51	3	44	3		
2	PVD8	13	963	14	76	4	60	19		
TOTAL		20	1.468	23	127	7	104	22		
WEIGHT KG			1.468		127		104			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: BK10 - BK4 - BK8	CREW: NAM - VIỆT - DTÙNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2210	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG ANH TU	BK10						78	D-HANH	Vietnamese
2	ĐAO VĂN ĐỨC	BK10	63	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN THĂNG	BK10						68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ANH TUAN	BK10						72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TUẤN VŨ	BK10	56	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THĂNG	BK10						80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HAI KIÊN	BK10				2	25	77	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THỊ HẰNG	BK10				1	20	61	NIPI	Vietnamese
9	PHẠM TUẤN VIỆT	BK10	61	1	2			88	DK9	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TU	BK10						68	DUY LINH	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	57	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI (22125)	BK10	58-59	2	13			104	KH-THAC	Vietnamese
13	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	64-65	2	19			53	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	60	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	62	1	5			67	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG ĐIỀN	BK10	55	1	5			66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN CONG TAN	BK4	75-76	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VŨ MẠNH CƯỜNG	BK4	77	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
19	DŨ LÊ THANH TIÊN	BK4	80-81	2	7	1	18	69	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ HỮU LINH	BK4	78	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	79	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	16	1.150	11	64	3	45	9		
2	BK4	5	358	7	32	1	18	4		
3	BK8	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	1.508	18	96	4	63	19		
WEIGHT KG			1.508		96		63			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: VANG-1	TO: TD3 - PPD	CREW: VTHU - LHAÏ - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2214	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN THANH BINH	TD3	37	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG NAM	TD3	52-53	2	6			76	KHOAN	Vietnamese
3	LE SY HUNG	TD3	38	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN NGHIA	TD3	35	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	LUU QUYET THANG	TD3						67	KHOAN	Vietnamese
6	NGO DUY THANH	TD3	51	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG THAI	TD3	34	1	9	1	11	79	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN BAC	TD3	40	1	10			87	AN TOAN	Vietnamese
9	LA THANH	TD3	54	1	4			86	Y TE	Vietnamese
10	TRAN VAN THUC	TD3	46-47	2	19			68	MERMAID	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUC	TD3	43-44	2	22			62	MERMAID	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HUNG	TD3	48	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM XUAN HIEU	TD3	36	1	2			62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN VINH	TD3	45	1	16			95	DVL	Vietnamese
15	LE VAN THANG	TD3	50	1	12			76	DVL	Vietnamese
16	PHAN THANH TINH	TD3	41-42	2	22			68	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN TUONG	TD3	39	1	10			83	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NAM CUONG	TD3	49	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
19	KODISVARAN JAYARAM	PPD	14,17	2	11			66	KHI	Malaysian
20	PHAM QUANG TUAN	PPD	32	1	5			110	KHI	Vietnamese
21	LE TUAN AN	PPD	33	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1,346	21	176	1	11	11		
2	PPD	3	252	4	29	0	0	11		
TOTAL		21	1,598	25	205	1	11	22		
WEIGHT KG			1,598		205		11			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

PHẠM VĂN THU

LUU THANH HẢI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P9 - TD1	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2205	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU VAN TIEN	P9	03	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DINH DUC	P9	05-06	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN VIET	P9	96	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MANH THANG	P9	07	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU BA NEP	P9	04	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH HUNG	P9	14	1	13			81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET THANG	P9	12-13	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
8	HO DUC HIEN	P9	08	1	11			55	YTE	Vietnamese
9	HO THANH	P9	10	1	13			91	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH HUY TOAN	TD1	23	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THANH TUAT	TD1	22	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN GIANG	TD1	27	1	2			65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN ANH	TD1	18-19	2	15			57	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG TUAN ANH	TD1	21	1	18			77	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN TRUNG THANH	TD1	26	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG MINH DUC	TD1	20	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
17	BUI NGOC DO	TD1	24-25	2	15			69	ANTOAN	Vietnamese
18	VU VAN QUY	TD1	32	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
19	THAI DUC TOAN	TD1	33	1	3	5	50	58	KHOAN	Vietnamese
20	LUU THIEN DUC	TD1	28-29	2	9			65	KHOAN	Vietnamese
21	HO VAN HAU	TD1	30-31	2	18			66	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH LUAN	TD1	17	1	5			79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	9	657	11	81	0	0	8		
2	TD1	13	849	17	121	5	50	14		
TOTAL		22	1.506	28	202	5	50	22		
WEIGHT KG			1.506		202		50			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

NGO VAN LINH
PHAM THAI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:02
B.CARD: TRANG-2	TO: CLO - P1	CREW: NAM - VIỆT - DTÙNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2211	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG DUY LY	CLO	04	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LỤC	CLO	01	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	11	1	13			80	KHOAN	Vietnamese
4	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	18	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HUNG	CLO	03	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
6	NHŨ THANH TUYEN	CLO	24	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUÂN PHU	CLO	22	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
8	TẠ HOÀI TRANG	CLO	20	1	14			75	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM TẤT LỤC	CLO	09-10	2	12			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HUNG	CLO	12	1	14			75	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHANG	CLO	13	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUÂN DUY	CLO	19	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	14-15	2	16			59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH HOÀN	CLO	16-17	2	15	2	25	59	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TRẦN NAM	CLO	21	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN QUYẾT	CLO	02	1	12			89	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUẬN	CLO	25-26	2	18			75	KHOAN	Vietnamese
18	HA QUANG TRUNG	CLO	27	1	10	1	11	53	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LONG	CLO	23	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ VĂN TUẤN	CLO	07	1	9			87	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN Y	CLO	05-06	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG THOẠI	CLO	08	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	22	1.560	27	238	3	36	17		
2	P1	0	0	0	0	1	15	3		
TOTAL		22	1.560	27	238	4	51	20		
WEIGHT KG			1.560		238		51			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P2	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/2208		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN THẾ ANH	P2	79	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	80	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	72	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN TIẾN	P2	78	1	6			58	ANTOAN	Vietnamese
5	BIỆN ĐĂNG SAM	P2	16	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	P2	84	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH QUANG	P2	10	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH QUÂN	P2	12	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	07-09	3	13			84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	13	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐÔNG	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ PHŨ ANH	P2	76-77	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH MẬU TRUNG KIẾN	P2	01-02	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI HOANG TÂM	P2	11	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THIÊN NAM	P2	15	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHI NGỌC CẢNH	P2	14	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO HUY HÙNG	P2	75	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC MINH	P2	81-83	3	20			75	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO VĂN GIÁP	P2	73-74	2	11			84	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN ĐÌNH HÙNG	P2	04	1	8	1	13	72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HIẾN ĐĂNG	P2	06	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN MẬU SƠN	P2	05	1	3			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	22	1.567	28	172	1	13	22		
TOTAL		22	1.567	28	172	1	13	22		
WEIGHT KG			1.567		172		13			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO: P9 - PVD8	CREW: VTHU - LHAÌ - TDUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/2215	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN HIỆN	P9	78	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUNG (21575)	P9	60	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BA KY	P9						77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	76	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NAM GIANG	P9	83	1	4	1	16	77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH THỂ NHÂN	P9	77	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG (15224)	P9	61	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	79	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P9	82	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NAM PHƯƠNG	P9	58-59	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	84	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	HŨA SAY	P9	57	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	53	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	51-52	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	74	1	9			57	PSV	Vietnamese
16	DUƠNG VIỆT DŨNG	P9	64	1	5			51	PSV	Vietnamese
17	BUI VĂN THUẬN	P9	75	1	5			80	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	62	1	4			69	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	50	1	7			83	NIPI	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THANH	PVD8	38,40	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
21	LUƠNG MINH KHUÊ	PVD8	93-94	2	10	1	15	61	NIPI	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC TUẤN	PVD8	41	1	5			85	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	19	1.294	20	119	1	16	17		
2	PVD8	3	220	5	27	1	15	5		
TOTAL		22	1.514	25	146	2	31	22		
WEIGHT KG			1.514		146		31			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

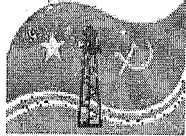
CREW

PHẠM VĂN THU

LƯU THANH HẢI



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: CLO - P10	CREW: LINH - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/2206	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CLO	32	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ MINH MINH	CLO	31	1	7			69	PSV	Vietnamese
3	LÊ TRI HẢO	P10				5	80	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	07	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CÔNG VÂN	P10	90	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH DŨNG	P10	09	1	3			95	KH-THAC	Vietnamese
7	LÝ TRUNG HIỂU	P10	03	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HÌNH	P10	15	1	9			89	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	08	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	93	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN PHƯƠNG	P10	91	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	P10	89	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU VĂN ĐẠT	P10	06	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	92	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGỌC NAM	P10	16	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH DUY	P10	04-05	2	15			82	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MINH	P10	97	1	12			83	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG THAI	P10	700	1	7	2	24	72	T-TIN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TÀI	P10	94-95	2	8			77	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁC NGUYỄN	P10	96	1	6			75	PSV	Vietnamese
21	NGHIÊM ANH VŨ	P10	88	1	5			70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM MINH TÂM	P10	98	1	7			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	2	140	2	21	0	0	0		
2	P10	20	1.473	21	143	7	104	22		
TOTAL		22	1.613	23	164	7	104	22		
WEIGHT KG			1.613		164		104			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:25
B.CARD: VÀNG-3	TO: TD1 - BK3 - BK10	CREW: VTHU - LHM - TDUNG	ETA: 14:15
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2216	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN XUAN CHUONG	TD1	51	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM QUANG ANH	TD1	53	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NAM CVC	TD1	46	1	18			73	DVL	Vietnamese
4	PHAM ĐỨC THANG	TD1	52	1	10			74	DVL	Vietnamese
5	PHAN VINH TRUONG	TD1	54	1	14			72	DVL	Vietnamese
6	TRUONG MINH KHANH	TD1	40	1	14			73	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN HUU VIET	TD1	39	1	14			60	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN NGOC	TD1	41	1	6			68	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC SON	TD1	45	1	16			70	DVL	Vietnamese
10	LE VAN LOC	TD1	47-48	2	20			60	T-TIN	Vietnamese
11	TRAN VAN NGU	TD1	49-50	2	11			87	T-TIN	Vietnamese
12	BUI VAN THOI	TD1	44	1	3			69	YTE	Vietnamese
13	LE VAN NGOC	TD1						75	PSV	Vietnamese
14	TRIEU MINH HONG	TD1	42	1	5			66	PSV	Vietnamese
15	LE VAN TINH	TD1	43	1	5			60	PSV	Vietnamese
16	LE ĐỨC HUY	BK3	96	1	10	2	15	65	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LINH	BK3	95	1	6	1	5	71	PSV	Vietnamese
18	DINH BA HOANG NAM	BK3	94	1	9			99	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	15	1.052	16	145	0	0	7		
2	BK3	3	235	3	25	3	20	5		
3	BK10	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		18	1.287	19	170	3	20	22		
WEIGHT KG			1.287		170		20			

GRAND TOAL: 1.477 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

PHẠM VĂN THU

LƯU THANH HẢI

DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:RP3 - P11	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/2209	

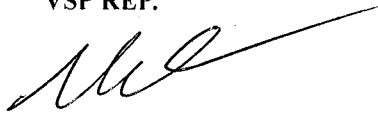
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ MẠNH HÙNG	RP3	02	1	4			68	ANTOAN	Vietnamese
2	BUI ANH SƠN	RP3	08	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH XUAN SI	RP3	15	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THỌ	RP3	09	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CHÂU	RP3	10	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TUẤN ANH	RP3	11	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THỤC	RP3	12	1	16	2	21	86	KHOAN	Vietnamese
8	TANG TIẾN TOÀN	RP3	07	1	12			81	DVL	Vietnamese
9	BUI HUY BANG	RP3	03	1	7	1	16	67	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HIỆU	RP3	01	1	13			55	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	RP3	05	1	11			69	DVL	Vietnamese
12	NGO TRI HOANG	RP3	06	1	12			68	DVL	Vietnamese
13	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	62	1	5	1	19	60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	65	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG ĐỨC	P11	66	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CÔNG HUY	P11	64	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO TRUNG KIẾN	P11	63	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
18	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	P11	59-60	2	15			55	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN KIỀU CẢNH	P11	69	1	13			76	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	P11	68	1	6			76	PSV	Vietnamese
21	CAO HOÀNG VY	P11	67	1	6			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	12	874	12	97	3	37	7		
2	P11	9	632	10	83	1	19	15		
TOTAL		21	1.506	22	180	4	56	22		
WEIGHT KG			1.506		180		56			

GRAND TOTAL: 1.742 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



HOÀNG THỊ THỦY

CREW



BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: TRANG - 3	TO: TD2	CREW: MTIEN - XTRUONG	ETA: 15:30
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/2192	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NHO DONG	TD2	59	1	15			73	DMC-MI	Vietnamese
2	LE ANH SON	TD2	65	1	10	2	17	72	DMC-MI	Vietnamese
3	BACH THIEN HOAI NHAN	TD2	68-69	2	10			64	DMC-MI	Vietnamese
4	NGO VAN TRONG	TD2	60-61	2	15			59	DMC-MI	Vietnamese
5	DANG VAN NGHIA	TD2	66-67	2	16			76	DMC-MI	Vietnamese
6	NGUYEN DUC NGHIA	TD2	72-73	2	10			70	DMC-MI	Vietnamese
7	NGUYEN PHU QUOC	TD2	63-64	2	10			69	MINH VIET	Vietnamese
8	VANEEV DMITRIY	TD2	52	1	13			101	KHOAN	Russian
9	BUI HUU HONG	TD2	55	1	5	1	20	80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	54	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	58	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRUNG THO	TD2						71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	TD2	56	1	3			53	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	TD2	57	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG DUC MANH	TD2	70-71	2	16			79	KHOAN	Vietnamese
16	LE PHU	TD2	62	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
17	VU VAN DOAI	TD2	53	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
18	LE TRUNG HIEU	TD2	74	1	4			95	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.307	23	156	3	37	19		
TOTAL		18	1.307	23	156	3	37	19		
WEIGHT KG			1.307		156		37			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGUYEN MINH TIEN

HA XUAN TRUONG



XNLD VIETSOVPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: TD2

Ngày: 22.May.2026	Nơi xuất phát: TD2	Số hiệu máy bay: 620	Giờ cất cánh: 12:10
Chuyến bay: 1	Nơi đến: VŨNG TÀU	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Nguyễn Xuân Hải	Giàn trưởng	XNK&SG	Vietnamese	17047	1	2	86
2	Hoàng Văn Bắc	Kíp trưởng	XNK&SG	Vietnamese	11639	0	0	74
3	Bùi Ngọc Dũng	Kíp trưởng	XNK&SG	Vietnamese	11411	1	9	81
4	Trần Hưng Hùng	Phụ khoan	XNK&SG	Vietnamese	18555	1	10	94
5	Trần Quang Huy	Phụ khoan	XNK&SG	Vietnamese	18711	1	4	72
6	Nguyễn Phùng Qué	Phụ khoan	XNK&SG	Vietnamese	#N/A	1	4	69
7	Lê Xuân Hải	KS cơ khí	XNK&SG	Vietnamese	20991	1	7	70
8	Nguyễn Vĩnh Tinh	Thợ nguội	XNK&SG	Vietnamese	#N/A	1	4	54
9	Mai Văn Hoàng	Thợ nguội	XNK&SG	Vietnamese	11115	1	11	58
10	Phạm Văn Thắng	Thợ nguội	XNK&SG	Vietnamese	19676	1	5	84
11	Nguyễn Tài Thuyết	Thợ điện	XNK&SG	Vietnamese	18101	1	2	57
12	Vũ Thập Toàn	Thợ điện	XNK&SG	Vietnamese	11593	0	0	69
13	Trịnh Duy Thành	Chánh CK	XNK&SG	Vietnamese	17084	1	6	81
14	Karavka Ivan	Phó phòng	XNK&SG	Russian	20966	1	10	105
15	Serebrov Igor	Thuyền trưởng	VTB	Russian	#N/A	1	10	75
16	Shmakov Alexander	Thuyền trưởng	XNK&SG	Russian	17632	1	8	74
17	Võ Sĩ Hoài Thanh	Thuyền trưởng	XNK&SG	Vietnamese	18420	2	5	62
18	Gimranov M.	Thuyền trưởng	XNK&SG	Russian	#N/A	1	8	84
19	Vũ Văn Thủy	Bosman	XNK&SG	Vietnamese	#N/A	1	5	67
	Số HK đi: 19							
					Trọng lượng:	18	110	1416

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện gian:
 PHI CÔNG TRƯỞNG
 KAM
 NOROV DENIS
 22/05/2026

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	19	1416
Hành lý	18	110
Hàng hóa		
Tổng cộng	37	1526



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 13:32
B.CARD: CAM-4	TO: TD2	CREW: NKHÁNH - MẠNH	ETA: 16:30
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/2190	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	10	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	06	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	15	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
4	VÔ SĨ MINH TÂN	TD2	03	1	3	3	46	57	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	09	1	6	1	7	94	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	TD2	08	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BAO	TD2	18	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
8	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	02	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	05	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN CỤ	TD2	07	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HỮU HẬU	TD2						65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	01	1	4			98	KHOAN	Vietnamese
13	DINH TRẦN ĐỨC TRI	TD2	13-14	2	16			61	BAKER HUC	Vietnamese
14	WAN MUHAMMAD SYAHMI BIN WAN ZU	TD2	11-12	2	16			64	BAKER HUC	Malaysian
15	DUƠNG MINH VIỆT	TD2	21	1	8			66	DVL	Vietnamese
16	LÊ BA CHIẾN	TD2	04	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BA ĐỨC	TD2	16-17	2	17			87	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.229	19	126	4	53	19		
TOTAL		17	1.229	19	126	4	53	19		
WEIGHT KG			1.229		126		53			

GRAND TOAL: 1.408 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

ĐẶNG NGỌC MẠNH



XNLD VIETSOVPETRO
Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: TD2

Ngày: 22.May.2026	Nơi xuất phát: TD2	Số hiệu máy bay: 614	Giờ cất cánh: 13:15
Chuyến bay: 2	Nơi đến: VUNG TAU	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Норов Денис	Thuyền trưởng	XNK&SG	Russian	#N/A			
2	Fesenko Vadim	NV	VSP	Russian	#N/A	1	10	80
3	Lê Tuấn Nghĩa	KS điện	XNK&SG	Vietnamese	14442	1	10	70
4	Phạm Lê Nam	KS điện	XNK&SG	Vietnamese	21645	1	5	70
5	Nguyễn Đức Thành	KS động lực	XNK&SG	Vietnamese	18730	1	4	74
6	Hoàng Xuân Kiên	Thợ máy	XNK&SG	Vietnamese	21631	0	0	75
7	Nguyễn Khắc Hà Trung	Thợ máy	XNK&SG	Vietnamese	18732	2	4	67
8	Lê Hải Sơn	Điện báo viên	XNK&SG	Vietnamese	18805	1	5	70
9	Nguyễn Chí Đức	Thợ tiện	XNK&SG	Vietnamese	17078	1	8	80
10	Đình Văn Huân	Thợ hàn	XNK&SG	Vietnamese	17077	1	7	55
11	Nguyễn Văn Duẩn	BTXM	XNK&SG	Vietnamese	17182	1	6	74
12	Nguyễn Việt Tùng	KS ATB	XNK&SG	Vietnamese	17182	1	10	60
13	Hồ Chí Công	Thợ móc cáp	XNK&SG	Vietnamese	#N/A	1	7	67
14	Phạm Văn Hùng	Thợ lái cầu	XNK&SG	Vietnamese	18717	1	5	78
15	Trần Văn Tuấn	Thợ móc cáp	XNK&SG	Vietnamese	17091	1	5	65
16	Lê Trường Lâm	KS điện lạnh	XNK&SG	Vietnamese	#N/A	1	8	72
17	Phan Sỹ Cao	Phục vụ	PSV	Vietnamese	18239	1	5	71
					#N/A	1	6	64
	Số HK đi: 17							
					Trọng lượng:	17	105	1192

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện viên:
22/05/26
NOROV DENIS

Phi công trưởng:

	Số lượng	Trọng lượng
Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	17	1192
Hành lý	17	105
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	34	1297